

PHỤ LỤC 4: ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 12 THÁNG NĂM 2019

(Đính kèm Công văn số 423/UBND-KT ngày 08 tháng 02 năm 2020
của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	88.870.105	76.886.467	86,52	105,86
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	85.377.855	73.486.465	86,07	105,32
I	Chi đầu tư phát triển	31.617.256	30.565.288	96,67	99,27
1	Chi đầu tư cho các dự án		18.277.291		86,69
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0	5.000		1,81
3	Chi đầu tư phát triển khác		1.229.654		281,57
II	Chi thường xuyên	47.419.000	37.404.151	78,88	118,57
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	16.631.687	12.540.225	75,40	134,35
2	Chi khoa học và công nghệ	1.380.291	914.585	66,26	133,57
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	3.122.158	2.996.844	95,99	109,29
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	524.170	471.806	90,01	108,88
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	61.074	52.202	85,47	81,48
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	473.237	416.898	88,09	94,95
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	4.519.007	3.271.742	72,40	105,59
8	Chi sự nghiệp kinh tế	7.029.387	4.818.469	68,55	111,23
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	8.114.389	7.188.185	88,59	124,25
10	Chi bảo đảm xã hội	3.066.080	2.671.979	87,15	100,87
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.174.524	1.116.653	95,07	100,99
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11.400	11.400	100,00	100,00
V	Dự phòng ngân sách	1.553.700			

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	3.492.250	3.400.002	97,36	119,09
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	0	0		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	2.969.490	2.855.582	96,16	116,69
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	522.760	544.420	104,14	133,45

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ